

Số: 19 /TB-HKL

Bắc Hà, ngày 11 tháng 3 năm 2026

## THÔNG BÁO

Về việc giao, điều chuyển gỗ cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà trực thuộc Chi cục Kiểm lâm Lào Cai đang xây dựng phương án xử lý gỗ được xác lập quyền sở hữu toàn dân trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với lô gỗ tròn, chủng loại Vôỉ thuốc, Kháo, Mận rừng, Ba soi, Sp, thuộc nhóm gỗ thông thường (TT); số lượng 131 lóng, khúc, khối lượng 4,521 m<sup>3</sup> (có Bảng kê lâm sản kèm theo).

Đề nghị cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh gửi văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản là gỗ theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT về Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà, trước ngày 20 tháng 3 năm 2026 theo địa chỉ: thôn Nậm Sắt 4, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai hòm thư điện tử hklbacha-snnmt@laocai.gov.vn hoặc liên hệ với ông Giàng Seo Chur - Kiểm lâm viên, số điện thoại 0966377521 để được hướng dẫn.

(Có mẫu Văn bản đề nghị tiếp nhận tài sản kèm theo)

Yêu cầu cơ quan, đơn vị cam kết sử dụng tài sản được bàn giao, điều chuyển phải sử dụng theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao./.

### Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục Kiểm lâm Lào Cai;
- UBND xã: Tả Cù Tỷ, Mường Khương;
- Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà (N/yết);
- Lưu: VT, ĐTXL.

KT. HẠT TRƯỞNG  
PHÓ HẠT TRƯỞNG



Trần Văn Chuyên

**Mẫu số 23: Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản**

.....  
.....  
\_\_\_\_\_

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV-ĐNGĐC

V/v đề nghị được tiếp nhận tài sản  
là .....

Kính gửi:.....

Chúng tôi được biết .....là cơ quan chủ trì quản lý tài sản  
được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số:..../2025/TT-BNNMT ngày.../.../2025  
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản,  
thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Chúng tôi đề nghị được  
tiếp nhận tài sản là ... ..nêu trên để sử dụng.....

Chúng tôi cam kết sử dụng tài sản được bàn giao theo đúng mục đích và  
chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao.

Trân trọng cảm ơn Quý cơ quan./.

**CHỨC VỤ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02: Bảng kê lâm sản áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm

CHI CỤC KIỂM LÂM LÀO CAI  
HẠT KIỂM LÂM  
KHU VỰC MƯỜNG KHƯƠNG  
Số: 002/2025/BKLS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tờ số: 01 Tổng số tờ: 01

### BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)  
(Kèm theo Biên bản VPHC số 002/BB-VPHC ngày 06/11/2025)

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Người lập bảng kê lâm sản:

Họ và tên: Đỗ Văn Đình, Chức vụ: Kiểm lâm viên; Cơ quan/đơn vị: Hạt Kiểm lâm khu vực Mường Khương, Địa chỉ: Xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

##### 2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:

- Tên tổ chức/cá nhân: Lừ Văn Tiến; Sinh ngày 30/01/1990
- Số CCCD/CMND/Hộ chiếu: 010090001365; ngày cấp: 16/4/2021.
- Địa chỉ: Thôn Cốc Cái, xã Bản Lầu, tỉnh Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

##### 3. Người chứng kiến:

Họ và tên: Lương Tuấn Nghị, Chức vụ: Kiểm lâm viên; Cơ quan: Hạt Kiểm lâm khu vực Mường Khương.

Họ và tên: Vũ Thị Thu, Chức vụ: Quản lý bảo vệ rừng viên; Địa chỉ: Ban Quản lý rừng phòng hộ khu vực Mường Khương.

Họ và tên: Nghè Dung Thọ, Chức vụ: Trưởng thôn; Địa chỉ: Thôn Văng Leng, xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

#### II. THÔNG TIN CHI TIẾT

TT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, các loại ván			Số lượng (thanh/ tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m <sup>3</sup> hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính (cm)			
1	I	Kháo			Thông thường	1,20		18	01	0,031	
2	II	Kháo			Thông thường	1,00		22	01	0,038	
3	III	Kháo			Thông thường	1,20		20	01	0,038	
4	IV	Ba soi			Thông thường	1,20		11	02	0,023	
5	V	Kháo			Thông thường	1,20		18	01	0,031	
6	VI	Ba soi			Thông thường	1,20		17	01	0,027	
7	VII	Ba soi			Thông thường	1,00		12	01	0,011	

TT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, các loại ván			Số lượng (thanh/ tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m <sup>3</sup> hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính (cm)			
8	VIII	Kháo			Thông thường	0,60		20	09	0,170	
9	IX	Kháo			Thông thường	0,60		23	04	0,100	
10	X	Ba soi			Thông thường	1,00		11	02	0,019	
11	XI	Ba soi			Thông thường	1,70		11	11	0,178	
12	XII	Ba soi			Thông thường	1,30		13	05	0,086	
<b>Cộng</b>									<b>39</b>	<b>0,750</b>	

Tổng số lượng là 39 lóng khúc với khối lượng là 0,750 m<sup>3</sup> gỗ tròn.

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LIÊN QUAN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tiền  
Điền Văn Tiền

Mường Khương, ngày 06 tháng 11 năm 2025

**CÁ NHÂN LẬP BẢNG KÊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Điền Văn Tiền

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Nghi

Nguyễn Văn Nghi

Nguyễn Văn Nghi

Số: 04 /2025/BKLS

Tờ số(2): 01/Tổng số tờ: 03

**BẢNG KÊ LÂM SẢN**

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo biên bản vi phạm hành chính số: 04/BB-VPHC ngày 16/12/2025 của Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Người lập Bảng kê lâm sản:**

Ông: Vui Văn Quyền, Chức vụ: Kiểm lâm viên

Cơ quan: Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà.

**2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:**

Tên cá nhân: Giàng Seo Kênh

Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC: 010065002095; ngày cấp: 15/8/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội bộ công an.

Địa chỉ: Thôn Sín Chải Cờ Cải, xã Tả Cù Tỷ, tỉnh Lào Cai.

**3. Người chứng kiến:**

Ông: Giàng Seo Lừ, Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế

Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC: 010084004735; ngày cấp: 22/7/2024; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội bộ công an.

Địa chỉ: UBND xã Tả Cù Tỷ, tỉnh Lào Cai.

**II. THÔNG TIN CHI TIẾT**

Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu:

TT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh / tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m3 hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài (10)	Dài	Rộ ng	Đường kính hoặc chiều dày			
1	1	SP				0,90		12,0	1	0,010	
2	2	SP				0,90		13,0	1	0,012	
3	3	SP				1,30		14,0	1	0,020	
4	4	SP				1,20		9,0	1	0,008	
5	5	SP				0,90		13,0	1	0,012	
6	6	SP				12,00		14,0	1	0,185	
7	7	SP				1,10		10,0	1	0,009	
8	8	SP				1,10		10,0	1	0,009	
Tổng									8	0,264	



9	9	SP			1,20	10,0	1	0,009	
10	10	SP			0,70	16,0	1	0,014	
11	11	SP			0,90	10,0	1	0,007	
12	12	SP			0,70	12,0	1	0,008	
13	13	SP			0,70	14,0	1	0,011	
14	14	SP			1,00	10,0	1	0,008	
15	15	SP			0,90	10,0	1	0,007	
16	16	SP			1,20	10,0	1	0,009	
17	17	SP			1,00	11,0	1	0,010	
18	18	SP			0,90	13,0	1	0,012	
19	19	SP			0,90	12,0	1	0,010	
20	20	SP			0,90	10,0	1	0,007	
21	21	SP			0,80	16,0	1	0,016	
22	22	SP			0,60	15,0	1	0,011	
23	23	SP			0,90	16,0	1	0,018	
24	24	SP			0,90	10,0	1	0,007	
25	25	SP			0,80	11,0	1	0,008	
26	26	SP			0,90	12,0	1	0,010	
27	27	SP			0,90	9,0	1	0,006	
28	28	SP			0,90	17,0	1	0,020	
29	29	SP			1,20	16,0	1	0,024	
30	30	SP			1,20	11,0	1	0,011	
31	31	SP			1,00	15,0	1	0,018	
32	32	SP			1,30	10,0	1	0,010	
33	33	SP			1,10	12,0	1	0,012	
34	34	SP			1,10	10,0	1	0,009	
35	35	Mận rừng		TT	0,70	17,0	1	0,016	
36	36	Mận rừng		TT	0,90	14,0	1	0,014	
37	37	Mận rừng		TT	0,80	16,0	1	0,016	
38	38	Mận rừng		TT	0,60	20,0	1	0,019	
39	39	Mận rừng		TT	0,70	20,0	1	0,022	
40	40	Mận rừng		TT	1,00	12,0	1	0,011	
41	41	Mận rừng		TT	1,10	12,0	1	0,012	
42	42	Vối thóc		TT	1,20	12,0	1	0,014	
43	43	Vối thóc		TT	0,70	17,0	1	0,016	
44	44	SP			0,70	14,0	1	0,011	
45	45	SP			0,80	15,0	1	0,014	
46	46	SP			0,90	20,0	1	0,028	
47	47	SP			0,90	14,0	1	0,014	
48	48	SP			0,90	20,0	1	0,028	
49	49	SP			0,80	17,0	1	0,018	
50	50	Vối thóc		TT	0,90	16,0	1	0,018	
<b>Cộng</b>							<b>42</b>	<b>0,564</b>	
<b>Tổng cộng</b>							<b>50</b>	<b>0,828</b>	

*Qua*



*phụ kiểm Sơ kết*



Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê: Gồm 50 khúc các loại gỗ vôi thuốc, mạn rừng, SP tròn, nhóm gỗ thông thường (TT) và SP, khối lượng 0,828 m<sup>3</sup>, trong đó: Gỗ vôi thuốc 03 khúc, nhóm gỗ thông thường (TT), khối lượng 0,048 m<sup>3</sup>; Gỗ mạn rừng 07 khúc, nhóm gỗ thông thường (TT), khối lượng 0,110 m<sup>3</sup>; Gỗ SP 40 khúc, khối lượng 0,670 m<sup>3</sup>

Tà Cù Ty, ngày 16 tháng 12 năm 2025

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LIÊN QUAN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)



**Giàng Seo Kênh**  
**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giàng Seo Lừ**

**NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Vũ Văn Quyền**

Số: 02/2025/BKLS

Tờ số(2): 01/Tổng số tờ: 03

**BẢNG KÊ LÂM SẢN**

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo biên bản vi phạm hành chính số: 02/BB-VPHC ngày 16/12/2025 của Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Người lập Bảng kê lâm sản:**

Ông: Vui Văn Quyền, Chức vụ: Kiểm lâm viên  
Cơ quan: Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà.

**2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:**

Tên cá nhân: Ly Seo Pao

Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC: 010,066,003,929; ngày cấp: 17/8/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội bộ công an.

Địa chỉ: Thôn Sín Chải Cờ Cải, xã Tả Cù Tỷ, tỉnh Lào Cai.

**3. Người chứng kiến:**

Ông: Giàng Seo Lừ, Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế

Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC: 010084004735; ngày cấp: 22/7/2024; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội bộ công an.

Địa chỉ: UBND xã Tả Cù Tỷ, tỉnh Lào Cai.

**II. THÔNG TIN CHI TIẾT**

Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu:

TT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh / tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m3 hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài (10)	Dài	Rộ ng	Đường kính hoặc chiều dày			
1	1	Gỗ Kháo			TT	2,50		20,0	1	0,079	
2	2	Gỗ Kháo			TT	2,70		25,0	1	0,133	
3	21	Gỗ Kháo			TT	2,0		12,0	1	0,023	
4	4	Gỗ Kháo			TT	2,70		20,0	1	0,085	
5	5	Gỗ Kháo			TT	2,50		25,0	1	0,123	
6	6	Gỗ Kháo			TT	2,60		15,0	1	0,046	
7	7	Gỗ Kháo			TT	3,00		18,0	1	0,076	
8	8	Gỗ Kháo			TT	2,70		25,0	1	0,133	
Cộng									8	0,696	

9	9	SP			2,00		22,0	1	0,076
10	10	SP			2,00		15,0	1	0,035
11	11	SP			2,00		15,0	1	0,035
12	12	Vôi thóc		TT	2,70		15,0	1	0,048
13	13	Vôi thóc		TT	2,80		22,0	1	0,106
14	14	SP			2,50		14,0	1	0,038
15	15	Gỗ Kháo		TT	3,00		15,0	1	0,053
16	16	Gỗ Kháo		TT	2,40		16,0	1	0,048
17	17	Gỗ Kháo		TT	3,00		22,0	1	0,114
18	18	Vôi thóc		TT	2,50		22,0	1	0,095
19	27	Vôi thóc		TT	1,50		20,0	1	0,047
20	25	Gỗ Kháo		TT	2,00		16,0	1	0,040
21	20	Gỗ Kháo		TT	2,00		20,0	1	0,063
22	21	Gỗ Kháo		TT	2,00		12,0	1	0,023
<b>Cộng</b>								<b>14</b>	<b>0,822</b>
<b>Tổng cộng</b>								<b>22</b>	<b>1,519</b>

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê: Gồm 22 khúc các loại gỗ vôi thóc, Kháo, SP tròn, nhóm gỗ thông thường (TT) và SP, khối lượng 1,519 m<sup>3</sup>, trong đó: Gỗ vôi thóc 04 khúc, nhóm gỗ thông thường (TT), khối lượng 0,296 m<sup>3</sup>; Gỗ Kháo 14 khúc, nhóm gỗ thông thường (TT), khối lượng 1,037m<sup>3</sup>; Gỗ SP 04 khúc, khối lượng 0,185 m<sup>3</sup>

Tà Cù Ty, ngày 16 tháng 12 năm 2025

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LIÊN QUAN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

 *nghe*  
*ho*  
*phai*

**Ly Seo Pao**

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

  
**Giàng Seo Lừ**

**NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Vui Văn Quyền**

Số: 03/2025/BKLS

Tờ số(2): 01/Tổng số tờ: 03

**BẢNG KÊ LÂM SẢN**

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo biên bản vi phạm hành chính số: 03/BB-VPHC ngày 17/12/2025 của Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Người lập Bảng kê lâm sản:**

Ông: Vui Văn Quyền, Chức vụ: Kiểm lâm viên

Cơ quan: Hạt Kiểm lâm khu vực Bắc Hà.

**2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:**

Tên cá nhân: Vàng Seo Chớ

Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC: 010.098.001.630; ngày cấp: 07/6/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội bộ công an.

Địa chỉ: Thôn Sín Chải Cờ Cái, xã Tả Củ Tỷ, tỉnh Lào Cai.

**3. Người chứng kiến:**

Ông: Giàng Seo Lừ, Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế

Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC: 010084004735; ngày cấp: 22/7/2024; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội bộ công an.

Địa chỉ: UBND xã Tả Củ Tỷ, tỉnh Lào Cai.

**II. THÔNG TIN CHI TIẾT**

Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu:

TT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh / tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m3 hoặc kg, lít, mililit)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài (10)	Dài	Rộ ng	Đường kính hoặc chiều dày			
1	1	Mận rừng			TT	2,10		28,0	1	0,129	
2	2	Sp				2,10		20,0	1	0,066	
3	3	Vối thuốc			TT	2,00		17,0	1	0,045	
4	4	Kháo			TT	2,00		21,0	1	0,069	
5	5	Kháo			TT	2,00		22,0	1	0,076	
6	6	Vối thuốc			TT	2,10		27,0	1	0,120	
7	7	Mận rừng			TT	2,00		25,0	1	0,098	
8	8	Sp				2,30		15,0	1	0,041	
<b>Cộng</b>									<b>8</b>	<b>0,645</b>	

9	9	Vôi thuốc		TT	2,00		20,0	1	0,063	
10	10	Vôi thuốc		TT	2,10		23,0	1	0,087	
11	11	Vôi thuốc		TT	2,00		30,0	1	0,141	
12	13	Kháo		TT	2,00		20,0	1	0,063	
13	14	Vôi thuốc		TT	2,00		13,0	1	0,027	
14	15	Vôi thuốc		TT	2,00		15,0	1	0,035	
15	17	Vôi thuốc		TT	1,40		22,0	1	0,053	
16	18	Vôi thuốc		TT	2,00		20,0	1	0,063	
17	19	Vôi thuốc		TT	2,00		15,0	1	0,035	
18	20	Vôi thuốc		TT	2,00		23,0	1	0,083	
19	21	Mận rừng		TT	2,00		23,0	1	0,083	
20	22	Kháo		TT	2,00		17,0	1	0,045	
<b>Cộng</b>								<b>12</b>	<b>0,779</b>	
<b>Tổng cộng</b>								<b>20</b>	<b>1,424</b>	

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê: Gồm 20 khúc các loại gỗ vôi thuốc, Kháo, SP tròn, Mận rừng nhóm gỗ thông thường (TT) và SP, khối lượng 1,424 m<sup>3</sup>, trong đó: Gỗ mận rừng 03 khúc, nhóm gỗ thông thường (TT), khối lượng 0,311 m<sup>3</sup>; Gỗ vôi thuốc 11 khúc, nhóm gỗ thông thường (TT), khối lượng 0,753 m<sup>3</sup>; Gỗ Kháo 04 khúc, nhóm gỗ thông thường (TT), khối lượng 0,245 m<sup>3</sup>; Gỗ SP 02 khúc, khối lượng 0,107 m<sup>3</sup>

Tà Cù Ty, ngày 17 tháng 12 năm 2025

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LIÊN QUAN**

**NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Chớ*

*Vui Văn Quyền*

**Vàng Seo Chớ**  
**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**

**Vui Văn Quyền**

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Giàng Seo Lì*

**Giàng Seo Lì**